

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS - ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2022
(V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật;

Ông Nguyễn Văn Thanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – HPT ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST – HPT ngày 12 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST – HPT ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST – HPT ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; tên gọi tắt S.

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V1, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên;

Theo Quyết định ủy quyền số: 3977/2020/GUQ-PL ngày 18/12/2020.

Người được ông H ủy quyền lại: Ông Đoàn Đình T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Theo Quyết định ủy quyền số 34/2020/GUQ-PL ngày 30/12/2020

HKTT và cư trú: Số nhà 67, đường Nguyễn Công Hoan, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch – Ngân hàng TMCP S

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1985; (Vắng mặt, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã A, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Là giáo viên trường THCS Đ, huyện D, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã A, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2021 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Đoàn Đình T trình bày: Ngày 07/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP S với chị Nguyễn Thị L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD 1931100238 với số tiền được cấp là 130.000.000đồng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn tiêu dùng mua sắm nội thất, lãi suất 15%/năm được áp dụng cho 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ, kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng S áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định là 7%/năm; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, phương thức trả nợ: Trả góp theo dư nợ giảm dần, thời hạn trả nợ gốc, lãi ngày 20 hàng tháng. Cùng ngày Ngân hàng S đã giải ngân cho chị L vay số tiền trên theo Giấy nhận nợ số LD 1931100238.

Tính từ kỳ trả gốc, lãi ngày 20/7/2020 đến nay chị Nguyễn Thị L đã không thanh toán nợ gốc, lãi đến hạn như cam kết theo tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, đôn đốc với chị L nhưng chị L vẫn không thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi nào nữa và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 03 tháng 6 năm 2022, chị Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng S số tiền gốc là 111.340.482 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám hai đồng*); Lãi trong hạn 23.079.169đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi chín đồng*); Lãi quá hạn là 9.574.806đồng (*Chín triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm L sáu đồng*), Lãi chậm trả lãi là 2.444.935 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi năm đồng*). Tổng cộng là: 146.439.391 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín một đồng*). Ngân hàng S yêu cầu chị L phải trả số tiền này.

Chị Nguyễn Thị L trình bày: Việc giao kết hợp đồng, số tiền gốc, lãi đúng như Ngân hàng trình bày, chị L xác định khoản vay này của chị là vay cá nhân của chị, không liên quan gì đến anh Nguyễn Duy C chồng chị nên chị xin được trả dần.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy C: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản gồm: Thông báo T lý vụ án, triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

UBND xã A cung cấp: Hiện anh C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn V, xã A, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, tuy nhiên anh ít khi ở nhà, hiện anh C làm ở đâu thì UBND xã không biết.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên và đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền gốc là: 111.340.482 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám hai đồng*); Lãi trong hạn 23.079.169 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi chín đồng*); Lãi quá hạn là 9.574.806 đồng (*Chín triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh sáu đồng*), Lãi chậm trả lãi là 2.444.935 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi năm đồng*). Tổng cộng là: 146.439.391 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín mốt đồng*).

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình để phiên tòa phải hoãn gây khó khăn cho việc xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị L có địa chỉ tại thôn V, xã A, huyện Y, tỉnh Hưng Yên phải trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 146.439.391 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín mốt đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ số LD 1931100238 mà hai bên đã ký kết vào ngày 07/11/2019 nên Tòa án nhân dân huyện Y xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét giao dịch dân sự giữa ngân hàng S và chị Nguyễn Thị L được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp. Chị L đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng chị L khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi nhưng không thực hiện nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Chị L xác nhận việc vay mượn và số tiền gốc, lãi, cách tính lãi, mức lãi suất và thời

hạn trả nợ như Ngân hàng S trình bày là đúng, chỉ nhất trí trả nợ cho Ngân hàng S, nhưng do điều kiện khó khăn nên chỉ xin trả dần.

Tính đến hết ngày 03 tháng 6 năm 2022, chị Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng S số tiền gốc là 111.340.482 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám hai đồng*); Lãi trong hạn 23.079.169 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi chín đồng*); Lãi quá hạn là 9.574.806 đồng (*Chín triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh sáu đồng*), Lãi chậm trả lãi là 2.444.935 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi năm đồng*). Tổng cộng là: 146.439.391 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín một đồng*). Ngân hàng S yêu cầu chị L phải trả số tiền trên và lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ với các quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả Số tiền tạm ứng án phí S đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 03/6/2022 số tiền gốc là 111.340.482 đồng (*Một trăm mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bốn trăm tám hai đồng*); Lãi trong hạn 23.079.169 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi chín đồng*); Lãi quá hạn là 9.574.806 đồng (*Chín triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm linh sáu đồng*), Lãi chậm trả lãi là 2.444.935 đồng (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi năm đồng*). Tổng cộng là: 146.439.391 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn ba trăm chín một đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ số LD 1931100238 ngày 07/11/2019 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với chị Nguyễn Thị L.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 7.321.900đồng (*Bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn chín trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 2.326.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003522 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án huyện Y.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhiên

